TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2025
"V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Oanh và bà Vũ Thị Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Luật - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15-01-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 - 11 - 2024 về việc *"Xin ly hôn và nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 60/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 27-12-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thủy, sinh năm: 1999 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Phương Trù, xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; hiện trú tại: thôn Xuân Lai, xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Phương Trù, xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; hiện tại đang chấp hành án phạt tù tại đội 14, phân trại số 2, Trại giam Thanh Xuân, Bộ Công An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đỗ Khánh A, sinh ngày 14/01/2019;

Trú tại: thôn Xuân Lai, xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

Người giám hộ cho cháu An: chị Nguyễn Thị Thủy và anh Đỗ Văn Đ (bố, mẹ của cháu An).

4. **Người làm chứng**: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1974; trú tại: thôn Xuân Lai, xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại thôn Phương Trù, xã Tứ Dân được khoảng 02 tháng thì chị chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị ở xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình sinh sống, còn anh Đ thì làm nghề lái tầu, lúc thì ở xã Tứ Dân, lúc thì chung sống với chị tại xã Gia Tiến. Quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên xảy mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Khoảng giữa năm 2022, anh Đ vi phạm pháp luật, bị bắt và bị Tòa án xử phạt tù, hiện nay đang chấp hành phạt tù tại Đội 14, phân trại số 2, Trại giam Thanh Xuân, Hà Nội.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để chị ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung tên là Đỗ Khánh A, sinh ngày 14-01-2019, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu An cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị làm nghề buôn bán tự do, thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/tháng, chị có đủ điều kiện về chỗ ăn ở, tài chính và chỗ ở để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Vợ chồng chị không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-12-2024, bị đơn anh Đỗ Văn Đ trình bày: Quá trình kết hôn đúng như chị Th đã trình bày. Về nguyên nhân và diễn biến mâu thuẫn, theo anh Đ, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, năm 2022 anh phạm "Tội cướp giật tài sản" và đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Xuân dẫn đến chị Thủy xin ly hôn anh, do vậy anh cũng nhất trí ly hôn với chị Thủy.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung tên là Đỗ Khánh A, sinh ngày 14-01-2019, hiện tại cháu An đang ở với chị Th, ngoài ra vợ chồng anh không có con nuôi, con riêng nào khác. Nếu ly hôn, quan điểm của anh nhất trí giao cháu An cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu An trưởng thành đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung hai bên gia đình và đất nông nghiệp 03: Anh Đ khẳng định vợ chồng không có gì liên quan nên không yêu cầu Toà án đặt ra xem xét, giải quyết.

Do anh đang chấp hành án phạt tù, không thể đến Toà án tham gia tố tụng được nên xin vắng mặt tại phiên toà.

Theo lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị Ng (mẹ đẻ chị Th) trình bày: Năm 2018, gia đình bà tổ chức hôn lễ cho chị Thủy và anh Đ. Hôn nhân giữa chị Thủy và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tứ Dân. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Thủy chung sống tại gia đình nhà chồng ở xã Tứ Dân một thời gian, sau đó chuyển đến nhà bà sinh sống, chị Thủy làm ở nhà còn anh Đ đi lái tàu cùng bố vợ. Quá trình chung sống, vợ chồng chị Thủy hay xảy ra cãi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Năm 2022, anh Đ bị bắt vì phạm tội, chị Thủy và con vẫn sinh sống tại nhà bà. Nay chị Thủy xin ly hôn với anh Đ, quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng chị Thủy có một con chung tên là Đỗ Khánh A, sinh ngày 14/01/2019.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng chị Thủy thì không có gì. Quá trình vợ chồng chị Thủy chung sống tại gia đình bà, anh chị không có liên quan gì đến tài sản, công nợ và đất ruộng với gia đình bà. Do điều kiện công việc bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Theo nội dung xác minh tại UBND xã Tứ Dân ngày 25-12-2024 thể hiện: anh Đỗ Văn Đ và chị Nguyễn Thị Th đăng ký kết hôn tại UBND xã Tứ Dân vào ngày 18-7-2018 (số 43/2018). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Đ chung sống tại xã Tứ Dân một thời gian, sau đó chuyển đến tỉnh Ninh Bình làm ăn, sinh sống. Quá trình chung sống, do anh Đ vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành án phạt tù dẫn đến việc chị Th xin ly hôn anh Đ. Về con chung, vợ chồng anh Đ, chị Th có một con chung tên là Đỗ Khánh A, sinh ngày 14-01-2019. Về tài sản, công nợ, đất ruộng của vợ chồng anh Đ thì chính quyền địa phương không nắm được. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên tòa hôm nay*:**

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt do đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, đề nghị giao cháu Đỗ Khánh A, sinh ngày 14/01/2019 cho chị Th tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu An trưởng thành đủ 18 tuổi; việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Đ được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng, đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị Th, anh Đ đối với hai bên gia đình không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 28-10-2024, chị Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện anh Đỗ Văn Đ, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Anh Đỗ Văn Đ có hộ khẩu thường trú, trú tại thôn Phương Trù, xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt do đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Đỗ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 18-7-2018 (số 43/2018), do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th có quan điểm cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc, khoảng giữa năm 2022 anh Đ phạm tội và phải đi chấp hành hình phạt tù, do đó chị xác định cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Đ. Về phía anh Đ có quan điểm cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên năm 2022 anh phạm tội cướp giật tài sản và phải đi chấp hành án phạt tù, nay chị Thủy xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù quan điểm trình bày của chị Thủy và anh Đ không đồng nhất về việc mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, do anh Đ phạm pháp phải đi chấp hành án phạt tù, chị Thủy xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn anh Đ là có căn cứ. Đồng thời, anh Đ cũng nhất trí ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho chị Th được ly hôn

với anh Đ là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát.

3. *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chị Th có một con chung là cháu Đỗ Khánh A, sinh ngày 14-01-2019, hiện nay cháu An đang ở với chị Th. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th có quan điểm xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An, đồng thời anh Đ cũng nhất trí giao cháu An cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu An trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy, quan điểm của chị Th và anh Đ về việc giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng là hoàn tự nguyện và cũng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh, chị; đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung nên cần giao cháu An cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu An trưởng thành, đủ 18 tuổi. Do chị Th, anh Đ không yêu cầu giải quyết việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền thăm gặp và chăm sóc con chung, không ai được cản trở; chị Th và anh Đ được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. *Về tài sản chung; công nợ chung; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Hai bên đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. *Về án phí*: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Toà án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Đỗ Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Khánh A, sinh ngày 14-01-2019 cho chị Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu An trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền đi lại thăm gặp và chăm sóc con chung, không ai được cản trở; chị Th và anh Đ có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp theo Biên lai số 0002313, ngày 01/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị Th đã thi hành xong phần án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tứ Dân.
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trung Kiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Trung Kiên

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND huyện Khoái Châu;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Tứ Dân.*
- *Chi cục THADS huyện KC;*
- *Lưu: Hồ sơ, Vp.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trung Kiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Trung Kiên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tứ Dân.
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trung Kiên

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HNGĐST - BBNA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 10 phút, ngày 06 tháng 6 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà : Ông Đào Duy Trĩnh.

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Tịnh và bà Lê Thị Oanh.

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10/3/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", giữa.

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị Nhần, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Quê quán, trú tại: xóm Khướng, xã Bình Hẻm, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Đình Thìn, sinh năm 1989 (vắng mặt).

HKTT, trú tại: thôn Vân Trì, xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3 Cháu Phạm Bảo Lộc, sinh ngày: 02/3/2019.

HKTT: thôn Vân Trì, xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Người giám hộ cho cháu Lộc: Anh Phạm Đình Thìn và chị Quách Thị Nhần là bố, mẹ đẻ của cháu.

4. **Người làm chứng**:

1.4 Bà Phạm Thị Bé, sinh năm: 1964 (vắng mặt).

Trú tại: thôn Vân Trì, xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- *Về điều luật áp dụng*: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

Xử;

- *Về hôn nhân*: Cho chị Quách Thị Nhần được ly hôn với anh Phạm Đình Thìn.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

- *Về nuôi con chung*: Giao cháu Phạm Bảo Lộc, sinh ngày 02/3/2019 cho anh Phạm Đình Thìn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị Quách Thị Nhần có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

3. *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

4. *Về án phí*: Chị Quách Thị Nhần phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0008165, ngày 10/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị Nhần đã thi hành xong phần án phí.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 25 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Trĩnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Duy Trĩnh